TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 710/2021/HS-PT
Ngày: 24/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Hà;

Ông Đặng Đình Lực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Vỹ - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 372/2021/TLPT-HS ngày 05 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo Đỗ Văn V, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 458/2020/HS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**Bị cáo có kháng cáo:*

Đỗ Văn V, sinh năm 1953; Giới tính: Nam; ĐKNKTT và nơi ở: Đội 5, thôn Y, xã Y, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: bộ đội phục viên (thương binh 2/4); trình độ văn hóa : tự khai 5/10 ; con ông: Đỗ Văn T (đã chết), con bà: Phạm Thị N (đã chết); vợ: Nguyễn Thị Đ có 04 con, lớn sinh năm 1976, nhỏ sinh năm 1987: tiền án, tiền sự: không; danh chỉ bản số 000000104 ngày 04/5/2020 tại phòng cảnh sát hình sự công an Hà Nội; bị cáo tại ngoại; Vắng mặt;

**Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn V do tòa án chỉ định:* bà Nguyễn Thanh Tú – Luật sư Công ty Luật An Tuệ thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

**Người bị hại:*

1. Ông Nguyên Hữu L, sinh năm: I960; trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội; Vắng mặt;

2. Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1971; trú tại: Chùa A, thôn Y, xã Đ,huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội; có mặt.

3. Ông Phạm Hữu L, sinh năm 1962; trú tại: Tổ dân phố S, thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội; Vắng mặt;

4.Ông Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1942; trú tại: Tổ dân phố H, thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội; Vắng mặt;

5. Bà Trần Thị H, sinh năm 1969; trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phó Hà Nội; Vắng mặt;

6. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956; trú tại: Xóm 6, thôn Y, xã Đ, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội; Vắng mặt;

Trong vụ án này còn có bị cáo Nguyễn Thị Y bị tòa án cấp sơ thẩm xét xử với vai trò chính và bị phạt 14 năm tù nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ thương binh và bệnh binh Trường Sơn được Sở kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp giấy phép thành lập lần đầu ngày 19/6/2015, có địa chỉ trụ sở tại thôn Y, xã Y, huyện Quốc Oai, Hà Nội (gọi tắt là Công ty Trường Sơn). Cổ đông sáng lập gồm có ông Nguyễn Hội N, ông Nguyễn Xuân T và Đỗ Văn V, trong đó bị cáo V là Giám đốc công ty và là người đại diện theo pháp luật. Công ty hoạt động không có vốn góp của Nhà nước.

Khoảng cuối tháng 04/2018, Nguyễn Thị Y dự buổi liên hoan tại xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai; qua đó Y quen biết với Đỗ Văn V và được V rủ về cùng hợp tác làm việc tại Công ty Trường Sơn. Đến tháng 06/2018, ông Nhân và ông Tường làm thủ tục chuyển nhượng lại toàn bộ Công ty Trường Sơn cho V. Quá trình hoạt động của Công ty thì bị cáo Y và bị cáo V đã tự giới thiệu và đưa ra những thông tin gian dối không đúng sự thật về bản thân Y với các thành viên sinh hoạt tại Công ty rằng Y có mối quan hệ quen biết rất rộng với các đồng chí là lãnh đạo Đảng và Nhà nước; đồng thời Y có khả năng xin cấp được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xin kinh phí để xây dựng tôn tạo các chùa. Giới thiệu bản thân Y trước đó đã xin được kinh phí xây dựng cho các chùa gồm: Chùa Duyên Quang Tự ở Nam Định; Chùa Văn Lai ở Ba Vì, Hà Nôi, nghĩa trang Liệt sỹ xã Hải Triều, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định... nhằm mục đích tạo lòng tin để lừa đảo lấy tiền của mọi người. Do tin tưởng nên trong năm 2018, các ông Nguyễn Hữu L, bà Đỗ Thị M, ông Phạm Hữu L, ông Nguyễn Hoàng G, bà Trần Thị H và bà Nguyễn Thị B đã bị Y và V lừa đảo chiếm đoạt được tổng số tiền là 2.780.000 đồng. Cụ thể như sau:

1.Vụ thứ nhất: Đầu năm 2018, ông Nguyễn Hữu L sửa nhà tại Thôn Đ, xã H, huyện Thạch Thất, Hà Nội và thuê V trông coi công trình xây dựng. Đến tháng 05/2018, sau khi Y tham gia Công ty Trường Sơn thì V và Y giới thiệu với ông L về việc Y có nhiều mối quan hệ xã hội rất rộng nên có khả năng xin

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhanh cho mọi người. Thời gian này, do ông L có nhu cầu xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại mảnh đất ở Thôn Đ, xã H, huyện Thạch Thất, Hà Nội nên đã nhờ Y làm giúp. Y nhận lời và nói sẽ phải chi tiền để đi xin cấp. Ngày 06/5/2018, Y cùng V đến nhà ông Nguyễn Hữu D là em ruột của ông L để nhận của ông L số tiền 40.000.000 đồng và hồ sơ nhà đất, Y viết 02 giấy biên nhận số tiền và hồ sơ trên. Y nói số tiền trên là để mua quà biếu và nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hẹn sau một tuần sẽ có. Khoảng 02 - 03 tuần sau, Y lại yêu cầu ông L đưa thêm số tiền 80,000,000 đồng, nhưng ông L không đồng ý đưa thêm. Số tiền 40.000.000 đồng nhận của ông L thì Y và V đã chiếm đoạt rồi sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Đến nay, gia đình ông L vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như Y đã hứa hẹn.

Tại Cơ quan điều tra, ông Nguyễn Hữu L giao nộp giấy biên nhận tiền có chữ ký nhận của Y (bản phô tô). Ông L tự chối giao nộp cho cơ quan điều tra bản gốc giấy biên nhận Y đã viết, với lý do sợ bị thất lạc mất nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để thực hiện việc giám định chữ ký và chữ viết.

Cơ quan điều tra xác minh tại UNBD xã H, Thạch Thất, Hà Nội xác định được: UBND xã H chỉ nhận được đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 149-1, tờ bản đồ số 11, diện tích 202,2m2 tại địa chỉ tại Thôn Đ, xã H, Thạch Thất, Hà Nội của ông Nguyễn Hữu L. UBND xã H không tiếp nhận được đơn liên quan đến thửa đất trên từ ai tên Nguyễn Thị Yên hoặc Bùi Hoàng Y.Tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thạch Thất, Hà Nội, xác định: Từ tháng 05/2018 đến nay, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Thạch Thất không tiếp nhận đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của ông Nguyễn Hữu L tại địa chỉ tại Thôn Đ, xã H, Thạch Thất, Hà Nội; không tiếp nhận đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên của ông L do ai là Nguyễn Thị Y hoặc Bùi Hoàng Y (sinh năm 1953; trú tại khu . tập thể Z179, xã Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội) đến nộp.

2. Vụ thứ hai: Khoảng tháng 05/2018, ông Vũ Văn H (sinh năm 1945; trú tại thôn Y, xã Đ, huyện Quốc Oai, Hà Nội) biết chùa A (là chùa của thôn Yên Nội) do bà Đỗ Thị M trụ trì đang xây dựng cần kinh phí. Khi được Y và Vgiới thiệu về khả năng xin kinh phí nên ông H đã giới thiệu Y, V với bà M. Sau đó, Y cùng Vđến chùa A gặp bà M và giới thiệu Y là cháu ruột của ông Nguyễn Văn An (nguyên Chủ tịch Quốc hội), hiện đang công tác tại quỹ tu bổ Đền H. Trước đó Y đã xin được kinh phí xây dựng cho các chùa Duyên Quang Tự (xã Yên Cường, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định), chùa Văn Lai (xã Ba Trại, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội) và nghĩa trang Liệt sỹ xã Hải Triều, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Đồng thời, Y và Vhứa hẹn là sẽ xin cho chùa A được cấp Giấy

chứng nhận di tích lịch sử và số tiền 20.000.000.000 đồng làm kinh phí xây dựng, tôn tạo chùa với điều kiện bà M phải chi tiền để đi quan hệ và trích lại một phần kinh phí cho Công ty Trường Sơn; bà M đồng ý. Sau đó Y và Vđã nhiều lần đến gặp bà M để nhận tiền, có một số lần bà M đi vắng nên đã nhờ ông H đưa hộ. Những lần nhận tiền thì Y đều viết giấy biên nhận. Đến ngày 10/10 và 21/10/2018, Y cùng Vvà bà M thống nhất cộng tổng số tiền đã giao nhận từ trước là 2.000.000.000 đồng và viết 02 Giấy biên nhận, mỗi giấy ghi nhận số tiền 1.000.000.000 đồng của bà M, đồng thời hủy các giấy biên nhận trước đó. Đến ngày 26/10/2018, Y tiếp tục yêu cầu bà M chuyển thêm số tiền 82.000.000 đồng (có viết giấy biên nhận) và hứa đến ngày 05/11/2018 sẽ có giấy báo chi kinh phí xây dựng chùa A đưa cho bà M. Sau khi Y viết các giấy biên nhận, Vký tên và đóng dấu Công ty Trường Sơn vào các Giấy biên nhận để xác nhận, nhằm tạo sự tin tưởng cho bà M. Tổng số tiền bà M đã đưa cho Y là 2.082.000.000 đồng; Y và Vđã sử dụng cá nhân hết. Ngày 12/11/2018, Vđến chùa A viết cho bà M 01 Giấy cam kết, nội dung: Đỗ Văn V đại diện cho bà Y cầm tiền của nhà chùa để lo công việc, hẹn trước ngày 17/12/2018 sẽ trả cho thầy Lâm (bà M) 500.000.000 đồng. Nhưng đến nay bà M vẫn chưa nhận được kinh phí xây dựng chùa như Y đã hứa hẹn và Vcũng không trả cho bà M 500.000.000 đồng nhơ đã hứa. Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ các tài liệu và đồ vật gồm:

- Thu của Nguyễn Thị Y tài liệu gồm: 01 bản vẽ xin phép xây dựng và 01 bản vẽ thi công dự án xây dựng chùa A, do bà M đưa cho Yên để đi xin kinh phí xây dựng chùa; 01 quyển vở ghi nội dung chi tiêu tại Công ty cổ phần thương mại dịch vụ thương binh và bệnh binh Trường Sơn, đề ngày 30/10/2018 do Y tự nhớ lại viết ra, sau đó Vký tên và đóng dấu xác nhận;

01 "Giấy kam kết" đề ngày 11/10/2018, ghi nội dung: Ông Vcùng bà Y nhất trí quan điểm như một, cùng chung ý trí, cùng chung hành động xây dựng công ty và đảm bảo thu nhập cho công ty, có chữ ký, đóng dấu đề tên "Giám đốc Đỗ Văn V" và đóng dấu Công ty cổ phần thương mại dịch vụ thương binh và bệnh binh Trường Sơn.

- Thu giữ của bà Đỗ Thị M tài liệu gồm: 01 giấy biên nhận 1.000.000.000 đồng đề ngày 10/10/2018; 01 giấy biên nhận 1.000.000.000 đồng, đề ngày 21/10/2018 và 01 giấy biên nhận 82.000.000 đồng, đề ngày 26/10/2018 (cả 03 giấy biên nhận đều có chữ viết, ký đề tên Bùi Hoàng Y và Đỗ Văn V, đóng dấu Công ty cổ phần thương mại dịch vụ thương binh và bệnh binh Trường Sơn); 01 bản cam kết đề ngày 12/11/2018, ghi nội dung: Đỗ Văn V đại diện cho bà Y cầm tiền của nhà chùa để lo công việc, hẹn trước ngày 17/12/2018 sẽ trả cho thầy Lâm (bà M) 500.000,000 đồng, có chữ viết và ký đề tên Đỗ Văn V;

-Thu giữ do ông Vũ Văn H giao nộp: 01 Quyển vở kẻ ngang nhãn hiệu Hồng, bên trong có ghi nội dung: Đơn xác nhận Đỗ Văn V và Bùi Hoàng Y nhận trách nhiệm với thầy Thích Đàm Lâm xin cấp bằng di tích lịch sử và vốn xây dựng chùa A, tiền sẽ được chuyển vào tài khoản của thầy Lâm, có dòng chữ "xác nhận công ty là đúng sự thật", có chữ ký, đóng dấu đề tên "Giám đốc Đỗ Văn V" và đóng dấu Công ty cổ phần thương mại địch vụ thương binh và bệnh binh Trường Sơn. Ông Vũ Văn H trình bày nội dung đơn xác nhận trên là do ông H yêu cầu Vcam kết về trách nhiệm đối với việc nhận tiền để xin kinh phí cho chùa A, Vđọc nội dung cho ông H viết.

Tại bản kết luận giám định số 272/KLGĐ-PCQ9 (Đ4) ngày 07/5/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận: "... Chữ viết phần nội dung, chữ ký, chữ viết dòng họ tên "Bùi Hoàng Y" trên 03 giấy biên nhận và chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyên Thị Y trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người viết và ký ra; chữ ký đứng tên "Đỗ Văn V" trên 03 giấy biên nhận và chữ viết, chữ ký đứng tến Đỗ Văn V trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người viết và ký ra; hình dấu tròn "Công ty cổ phần thương mại dịch vụ thương binh và bệnh binh Trường Sơn" trên 03 giấy biên nhận và hình dấu tròn "Công ty cổ phần thương mại dịch vụ thương binh và bệnh binh Trường Sơn" lưu tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an thành phố Hà Nội do cùng một con dấu in ra."

Tại bản kết luận giám định số 478/ KLGĐ-PC09 (Đ4) ngày 14/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận:
Chữ viết, chữ ký đứng tên Đỗ Văn V trên "Bản cam kết" nêu trên và chữ viết, chữ ký đứng tên Đỗ Văn V trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người viết và ký ra.

-Chữ viết trên quyển vở và "Giấy cam kết" trên và chữ viết, chữ ký đứng tên Đỗ Văn V trên các mẫu so sánh không phải là chữ do cùng một người viết và ký ra; không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Đỗ Văn V trên quyển vở và "Giấy cam kết" nêu trên và chữ ký đứng tên Đỗ Văn V trên các mẫu so sánh có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không.

- Chữ viết có nội dung "Xác nhận công ty là đúng sự thật" trên "Đơn xác nhận" nêu trên và chữ viết đứng tên Đỗ Văn V trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người viết ra; chữ viết phần nội dung đơn xác nhận và chữ viết đứng tên Đỗ Văn V trên các mẫu so sánh không phải là chữ do cùng một người viết ra; không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Đỗ Văn V "Đơn xác nhận" trên và chữ ký đứng tên Đỗ Văn V trên các mẫu so sánh có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không".

Cơ quan điều tra đã xác minh tại UBND xã Hải Triều, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, kết quả xác định: Năm 2005, UBND xã Hải Triều có tiếp nhận

100.000.000 đồng của ông Phan Thanh Bảo (tức Nam Anh, là Việt kiều sinh sống tại Canada) đóng góp để xây dựng nghĩa trang liệt sỹ xã Hải Triều, số tiền trên được ông Bảo trao trực tiếp cho UBND xã Hải Triều, Nguyễn Thị Y là người giới thiệu ông Bảo về UBND xã chứ Y không có đóng góp gì.

Cơ quan điều tra xác minh tại UBND xã Yên Cường, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, kết quả xác định: UBND xã Yên Cường không tiếp nhận khoản tiền nào từ Nguyễn Thị Y hay Bùi Hoàng Y để đóng góp xây dựng cổng chùa thôn Duyên Mỹ, xã Yên Cường, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Cơ quan điều tra xác minh tại UBND xã Ba Trại, Ba Vi, Hà Nội, kết quả xác định: Xã Ba Trại có chùa Văn Lai được xây dựng từ năm 2016 đến nay. Từ trước đến nay không có ai tên Nguyễn Thị Y hay Bùi Hoàng Y vận động, đóng góp xây dựng chùa Văn Lai, xã Ba Trại, huyện Ba Vì, Hà Nội.

Cơ quan điều tra xác minh tại Trung tâm nghiên cứu và phát triển văn hóa H Vương, kết quả xác định: Nguyễn Thị Y là Cộng tác viên Ban vận động Quỹ tu bổ đền H đến tháng 3/2015 thì Quỹ tu bổ đền H giải thể. Tháng 5/2015, Trung tâm nghiên cứu và phát triển văn hóa H Vương được thành lập, Y không tham gia, không phải là thành viên, cộng tác viên và không liên quan gì đến hoạt động của Trung tâm. Quỹ tu bổ đền H và Trung tâm nghiên cứu và phát triển văn hóa H Vương không liên quan gì đến việc đóng góp xây dựng chùa của thôn Duyên Mỹ, xã Yên Cường, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

3. Vụ thứ ba: Quá trình quen biết tại Công ty cổ phần thương binh và bệnh binh Trường Sơn, ông Nguyễn Hoàng G (sinh năm 1942; trú tại phố Huyện, thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, Hà Nội) được Y và Vgiới thiệu: Y là cháu ruột của ông Nguyễn Văn An (nguyên là Chủ tịch Quốc hội), có nhiều mối quan hệ xã hội có khả năng xin cấp được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời gian này gia đình ông Phạm Hữu L (sinh năm 1962; trú tại tổ dân phố S, thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, Hà Nội) có thửa đất cạnh nhà ông Giác) và ông Giác đang có nhu cầu xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại địa chi Phố Huyện, thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, Hà Nội. Do tin tưởng lời giới thiệu của Vvà Y nên ông Giác đã nhờ Y làm giúp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Giác và ông Lưu; Y nhận lời giúp ông Giác với điều kiện ông Giác phải đưa tiền để Y đi xin. Sau đó, ông Giác đưa cho Y đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Giác và ông Lưu. Thời gian này, Y và Vnhiều lần đến nhà ông Giác yêu cầu ông Giác và ông Lưu đưa tiền để đi nộp thuế và làm tiền quà để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai gia đình. Ngày 22/10/2018, sau khi nhận tổng cộng số tiền là 202.000.000 đồng (trong đó có 172.000.000 đồng của ông Lưu và 30,000.000 đồng của ông Giác) Y đã viết giấy biên nhận số tiền 202.000.000 đồng, hẹn sau 01 tháng (tức ngày 22/11/2018) sẽ có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho

cả hai gia đình. Sau đó, Vký tên, đóng dấu Công ty cổ phần thương binh và bệnh binh Trường Sơn vào giấy biên nhận này để xác nhận. Ngày 01/11 và ngày 03/11/2018, Yên tiếp tục đến nhà ông Lưu nhận thêm số tiền 25.000.000 đồng (có viết bổ sung vào Giấy biên nhận đã viết trên). Sau khi nhận số tiền 227.000.000 đồng của ông Lưu và ông Giác, thì Y và Vđã chiếm đoạt rồi sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Đến nay, gia đình ông Lưu và ông Giác chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa nhận được hóa đơn đóng thuế đất như Y, Vđã hứa hẹn.

Cơ quan điều tra đã thu giữ của ông Nguyễn Hoàng G tài liệu gồm: 01 giấy biên nhận ghi số tiền 202.000.000 đồng, đề ngày 22/10/2018, có chữ viết và ký tên người nhận tiền mang tên Bùi Hoàng Y, Giám đốc ký mang tên Đỗ Văn V và đóng dấu Công ty cổ phần thương mại dịch vụ thương binh và bệnh binh Trường Sơn; trang thứ 3 có nội dung: Ngày 01/11/2018 nhận 10.000.000 đồng và ngày 03/11/2018 nhận 15.000.000 đồng, đều ký và viết tên Bùi Hoàng Y.

Tại bản kết luận giám định số 2726/KLGĐ-PC09(Đ4) ngày 07/5/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận như sau: Chữ viết phần nội dung, chữ ký, chữ viết dòng họ tên "Bùi Hoàng Y" trên Giấy biên nhận và chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Y trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người viết và ký ra; chữ ký đứng tên "Đỗ Văn V" trên Giấy biên nhận và chữ viết, chữ ký đứng tên Đỗ Văn V trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người viết và ký ra; hình dấu tròn "Công ty cổ phần thương mại dịch vụ thương binh và bệnh binh Trường Sơn" trên Giấy biên nhận và hình dấu tròn "Công ty cổ phần thương mại dịch vụ thương binh và bệnh binh Trường Sơn" lưu tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Cổng an thành phố Hà Nội do cùng một con dấu in ra".

Cơ quan điều tra xác minh tại UBND thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, Hà Nội đã xác định: UBND thị trấn Quốc Oai nhận được đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 103 và 104, tờ bản đồ số 50, tại địa chỉ Tổ dân phố H, thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, Hà Nội của ông Phạm Hữu Cao (sinh năm 1927; trú tại tổ dân phố S, thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, Hà Nội - là bố đẻ ông Phạm Hữu L).Đối với việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, UBND thị trấn Quốc Oai chỉ nhận được đơn, hồ sơ đề nghị do ông Phạm Hữu Cao, Phạm Hữu L và ông Nguyễn Hoàng G (sinh năm 1942; trú tại tổ dân phố Huyện, thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, Hà Nội) nộp. Từ trước đến nay UBND thị trấn Quốc Oai không tiếp nhận hồ sơ liên quan 02 thửa đất nêu trên từ ai tên Nguyễn Thị Y hoặc Bùi Hoàng Y; hiện 02 thửa đất trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND thị trấn Quốc Oai không nhận được văn bản nào của UBND thành phố Hà Nội và

UBND huyện Quốc Oai về việc đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông Phạm Hữu Cao, Phạm Hữu L và Nguyễn Hoàng G.

Cơ quan điều tra xác minh tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Quốc Oai, xác định: Căn cứ quy định tại Quyết định số 3507/QĐ-UBND ngày 28/7/2018 của UBND huyện Quốc Oai, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Quốc Oai không trực tiếp nhận đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trực tiếp từ công dân, chỉ nhận thông qua UBND xã, thị trấn và từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Quốc Oai chuyển đến; vì vậy Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Quốc Oai không tiếp nhận đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ai tên Nguyễn Thị Y hoặc Bùi Hoàng Y đến nộp.

Cơ quan điều tra xác minh tại Văn phòng UBND và HĐND huyện Quốc Oai, Hà Nội, xác định: Trong thời gian từ tháng 7/2018 đến. nay, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Quốc Oai (bộ phận một cửa) không tiếp nhận đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của gia đình các ông Phạm Hữu Cao, Phạm Hữu L và Nguyễn Hoàng G do ai là Nguyễn Thị Y hoặc Bùi Hoàng Y (sinh năm 1953; trú tại khu tập thể Z179, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trĩ, Hà Nội) đến nộp.

4. Vụ thứ tư: Gia đình bà Trần Thị H (sinh năm 1969; trú tại thôn N, xã Đ, huyện Hoài Đức, Hà Nội) có bà Nguyễn Thị M - là chị chồng của bà Hoa có tham gia quân đội và bị tai nạn chết khi làm nhiệm vụ nhưng giấy báo tử ghi là từ trần nên không được công nhận Liệt sỹ. Khoảng tháng 6/2018, bà Hoa nhờ Đỗ Văn V và ông Nguyễn Xuân T làm thủ tục xin công nhận Liệt sỹ đối với bà Nguyễn Thị M. Sau đó, ông Tường cùng V và Y đến nhà bà Hoa. Tại đây, Vgiới thiệu Y là cháu ông Nguyễn Văn An (nguyên Chủ tịch Quốc hội) và là cán bộ Quân đội nghỉ hưu có nhiều mối quan hệ xã hội rất rộng nên có thể xin công nhận Liệt sỹ cho bà Mến. Vì tin tưởng lời Vnói nên bà Hoa nhờ Y xin công nhận Liệt sỹ cho bà Mến; Y nhận lời và nói sẽ phải chi phí phục vụ việc đi xin công nhận Liệt sỹ. Thời gian sau, Y và Vđã nhiều lần yêu cầu bà Hoa đưa tiền để đi xin công nhận liệt sỹ, tổng số tiền đã nhận là 85.000.000 đồng. Ngày 26/11/2018 Y viết giấy biên nhận số tiền trên, hẹn đến ngày 30/12/2018, không làm xong sẽ hoàn trả số tiền trên cho bà Hoa. V ký tên và đóng dấu Công ty cổ phần thương binh và bệnh binh Trường Sơn xác nhận vào giấy nhận tiền. Sau khi nhận số tiền 85.000.000 đồng của bà Hoa, Yên và Vđã chiếm đoạt rồi sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Đến nay, bà Nguyễn Thị M vẫn chưa được công nhận là Liệt sỹ

Cơ quan điều tra đã thu giữ của bà Hoa tài liệu gồm: 01 Giấy biên nhận ghi số tiền 85.000.000 đồng, đề ngày 26/11/2018, có chữ viết và ký tên Trợ lý công ty mang tên Bùi Hoàng Y, chữ ký Giám đốc công ty mang tên Đỗ Văn V và đóng dấu Công ty cổ phần thương binh và bệnh binh Trường Sơn.

Tại bản kết luận giám định số 2726/KLGĐ-PC09(ĩ)4) ngày 14/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận: "... Chữ viết phàn nội dung, chữ ký, chữ viết dòng họ tên "Bùi Hoàng Y" trên Giấy biên nhận và chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Y trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người viết và ký ra; chữ ký đứng tên "Đỗ Văn V" trên Giấy biên nhận và chữ viết, chữ ký đứng tên Đỗ Văn V trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người viết và ký ra; hình dấu tròn "Công ty cổ phần thương binh và bệnh binh Trường Sơn" trên Giấy biên nhận và hình dấu tròn "Công ty cổ phần thương binh và bệnh bỉnh Trường Sơn" lưu tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an thành phố Hà Nội do cùng một con dấu in ra".

Cơ quan điều tra đã xác minh tại Binh đoàn 12 - Bộ Quốc phòng, xác định: Từ tháng 6/2018 đến nay, Binh đoàn 12 " Bộ Quốc phòng không tiếp nhận đơn, hồ sơ đề nghị công nhận Liệt sỹ đối với bà Nguyễn Thị M (sinh năm 1960; trú tại xã Đ, huyện Hoài Đức, Hà Nội; đơn vị Đại đội 27 - Phòng hậu cần - Sư đoàn 391 - Binh đoàn 12, từ trần ngày 11/7/1981). Vì vậy, Binh đoàn 12 không tiếp nhận đơn, hồ sơ đề nghị công nhận liệt sỹ đối với bà Mến do ai là Nguyễn Thị Y hoặc Bùi Hoàng Y (sinh năm 1953; trú tại khu tập thể Z179, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội) đến nộp.

Cơ quan điều tra đã xác minh tại Sở lao động, thương binh và xã hội thành phố Hà Nội, xác định: Theo quy định thì đơn, hồ sơ đề nghị công nhận Liệt sỹ được nộp tại ủy ban nhân dân cấp xã, Sở lao động, thương binh và xã hội thành phố Hà Nội không tiếp nhận trực tiếp đơn, hồ sơ từ người dân. Đơn, hồ sơ đề nghị công nhận Liệt sỹ đối với người thuộc lực lượng quân đội nhân dân được nộp tại Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, sau đó chuyển đến Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện và Bộ Tư lệnh thủ đô để giải quyết. Vì vậy, hiện Sở lao động, thương binh và xã hội không tiếp nhận đơn, hồ sơ đề nghị công nhận Liệt sỹ đối với bà Nguyễn Thị M (sinh năm 1960; trú tại xã Đ, huyện Hoài Đức, Hà Nội; đơn vị Đại đội 27 - Phòng hậu cần - Sư đoàn 391 - Binh đoàn 12, từ trần ngày 11/7/1981) và không tiếp nhận đơn, hồ sơ do ai là Nguyễn Thị Y hoặc Bùi Hoàng Y (sinh năm 1953; trú tại khu tập thể Z179, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội) nộp để đề nghị công nhận Liệt sỹ đối với bà Mên.

5.Vụ thứ năm: (Vụ này bị cáo V không tham gia, không ký giấy tờ gì nên không bị quy kết tại bản án sơ thẩm) Bà Nguyễn Thị B (sinh năm 1956; trú tại thôn Y, xã Đhuyện Quốc Oai, Hà Nội) có con gái là chị Nguyễn Thị Hồng P (sinh năm 1995). Đầu năm 2018, chị P đã tốt nghiệp khoa Sinh học trường Đại học sư phạm "Đại học Thái Nguyên nên bà Bệt có nguyện vọng xin cho chị P được làm việc dạy học theo ngành sư phạm. Khoảng tháng 7/2018, bà Bệt đã nhờ ông Vũ Văn H (có quan hệ họ hàng) tìm người giúp xin việc cho chị P. Ông H đã nhờ Đỗ Thị Yên xin cho chị P đi dạy học và được vảo biên chế, công chức

của ngành giáo dục. Y nhận lời và nói phải đưa tiền để Y đi xin việc. Sau đó, Y đã nhiều lần nhận tiền của bà Bệt thông qua ông H với tổng số tiền là 346.000.000 đồng, Ngày 01/11/2018, bà Bệt hẹn Yên cùng ông H đến nhà để thống nhất số tiền đã nhận và lập biên bản giao nhận tiền. Sau khi thống nhất, chị P lập biên bản giao nhận số tiền 346.000.000 đồng giữa bà Bệt với Y, còn ông H ký làm chứng xác nhận. Sau khi nhận số tiền tiền trên, Y đã chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân hết mà không gặp gỡ bất cứ ai để thực hiện việc xin công chức cho chị P như đã hứa hẹn.

Cơ quan điều tra đã thu giữ của bà Nguyễn Thị B tài liệu gồm: 01 biên bản giao nhận số tiền 346.000.000 đồng ngày 01/11/2018 giữa bà Bệt và Bùi Hoàng Y có nội dung: "Y nhận sỗ tiền 346.000.000 đồng của bà Bệt đề xin việc làm cho cháu Nguyễn Thị Hồng P vào công chức nhà nước (giáo viên công chức lâu dài). Hẹn đến ngày ỉ ỉ/11/20ỉ 8 thì cháu nhận được quyết định chính thức đi làm

Tại bản kết luận giám định số 2726/KLGĐ-PC09(Đ4) ngày 07/5/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận như sau:

,. Chữ ký chữ viết dòng họ tên Bùi Hoàng Y dưới chữ ký trên biên, bản giao nhận tiền ngày 01/11/2018 với chữ ký chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Y trong các biên bản ghi lời khai bản tường trình của Nguyễn Thị Y tại Cơ quan điều tra do cùng một người ký và viết ra."

Tại bản cáo trạng số 351/CT-VKS - P2 ngày 21/9/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố Nguyễn Thị Y và Đỗ Văn V tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 82/2020/HSST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Thị Y và bị cáo Đỗ Văn V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

-Áp dụng: Điểm a khoản 4 điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị Y 14 (mười bốn) năm tù. Hạn tù tính từ ngày 12/7/2019.

-Áp dụng: Điểm a khoản 4 điều 174; điểm b, s, x khoản 1 khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Đỗ Văn V 11 (mười một) năm tù, Hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, về án phí và quyền kháng cáo đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/12/2020, bị cáo Đỗ Văn V kháng cáo cho rằng bị cáo không phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà do bị cáo Y thực nhiện, bị cáo chỉ bị Y lừa ký giấy tờ, hóa đơn nhận tiền của các bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ nhất ngày 24/6/2021 bị cáo Đỗ Văn V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đơn của bị cáo không có xác nhận của chính quyền

địa phương nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 23/11/2021 bị cáo đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo đã được tống đạt trực tiếp qua Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, Hà nội và tống đạt trực tiếp qua bưu điện nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; bị cáo có gửi đơn xin xác nhận bị ốm, nội dung xác nhận của Bệnh viện đa huyện Quốc Oại nêu rõ bệnh nhân Đỗ Văn V bị tê chân tay nằm điều trị từ 22/11 đến 03/12/2021…". Đồng thời bị cáo có đơn xin hoãn phiên tòa lý do vết thương sọ não tái phát, còn 07 mảnh đạn trong đầu thay đổi thời tiết không chịu được tê 2 chân tay tái phát bệnh tâm thần cũ, tôi có liên quan đến vụ án lừa đảo nhưng tôi bị oan, hiện nay tôi đi điều trị tâm thần cho ổn định, tôi sẽ hầu tòa sau...". Đơn không có xác nhận của cơ quan hoặc bệnh viện có thẩm quyền.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà nội kết luận:

Kháng cáo của bị cáo xin kêu oan, nội dung và hình thức phù hợp với quy định, trong hạn luật định nên cần được chấp nhận để xem xét.

Bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa nhiều lần đều không có lý do chính đáng; phiên tòa lần này bị cáo đã được tống đạt hợp lệ, bị cáo có làm đơn xin hoãn nhưng không được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và đơn cũng không nêu rõ lý do chính đáng. Đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt đối với bị cáo.

Về nội dung: căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên toà sơ thẩm có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Y và Vđã có hành vi phạm tội qua các tài liệu đã được giám định khách quan, chính xác; bị cáo Vtại cấp sơ thẩm cũng xác định đã ký và dùng dấu của công ty của mình đóng vào các giấy biên nhận nhận tiền của các bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng người, đúng tội.

Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo V: Khi xét xử, Toà án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo Vcó hành vi giúp sức tích cực cho bị cáo Y chiếm đoạt của 04 người bị hại với tổng số tiền trên 2,4 tỷ đồng là có căn cứ; không oan. cho đến nay bị cáo chưa bồi thường sau phiên tòa sơ thẩm nên cũng không có căn cứ đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo kháng cáo nội dung kêu oan, không xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đều thừa nhận việc ký và đóng dấu vào các tài liệu mà cơ quan điều tra đã tiến hành giám định khách quan, bị cáo Y mới là người nhận và sử dụng số tiền đó nên bị cáo nhận thức mình bị oan. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Đỗ Thị M có mặt và khai rõ việc bị cáo cung nhiều lần trực tiếp nhận tiền từ bà M và chưa hoàn trả khoản nào.Tuy nhiên bị cáo là thương binh 2/4; nhận thức pháp luật hạn chế nên thực tế đã bị bị cáo Y lợi dụng để thực hiện hành vi lừa đảo; bị cáo đã cao tuổi nên đề

nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để có điều kiện chữa bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo kêu oan của bị cáo bị cáo Đỗ Văn V kháng cáo đảm bảo về hình thức và trong hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét.

Ngày 29/12/2020 bị cáo Đỗ Văn V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn của bị cáo không có xác nhận của chính quyền địa phương nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 24/12/2021 bị cáo đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo đã được tống đạt trực tiếp qua Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, Hà nội, tống đạt trực tiếp qua bưu điện nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; bị cáo có gửi đơn xin xác nhận bị ốm, nội dung xác nhận của Bệnh viện đa khoa huyện Quốc Oại nêu rõ bệnh nhân Đỗ Văn V bị tê chân tay nằm điều trị từ 22/11 đến 03/12/2021 ra viện…" và bị cáo có đơn tiếp tục xin hoãn phiên tòa nhưng đơn của bị cáo không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Do đó xác định bị cáo đã được toà án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy xét xử vắng mặt đối với bị cáo Đỗ Văn V.

[2] Về nội dung xét kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn V:

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Đỗ Văn V vắng mặt; căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của chính bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm có đủ căn cứ xác định toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo cùng với bị cáo Nguyễn Thị Y như bản án sơ thẩm đã quy kết.

Theo đó: Nguyễn Thị Y không có chức năng và quyền hạn gì trong việc cấp kinh phí xây dựng các Chùa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công nhận Liệt sỹ và tuyển dụng vào biên chế nhưng Nguyễn Thị Y đã cùng Đỗ Văn V đưa ra những thông tin gian dối không đúng sự thật, về khả năng của bản thân Y có mối quan hệ rất rộng và có quyền hạn có thể tác động làm được những việc làm trên, hứa hẹn và nhận tiền của nhiều người để chiếm đoạt chi tiêu cá nhân. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo Đỗ Văn V là người địa phương có mối quan hệ quen biết với những người bị hại nên được họ tin tưởng, đồng thời để khẳng định lòng tin với những người bị hại khi giao tiền, thì Vđã cùng với bị cáo Y trực tiếp ký tên và sử dụng con dấu của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ thương binh và bệnh binh Trường Sơn (do Vlàm đại diện theo pháp luật) để đóng dấu xác nhận vào chữ ký của Vtrong các tờ giấy biên nhận mỗi khi Y nhận tiền. Thực tế, trong thời gian từ tháng 05/2018 đến tháng 12/2018, Y và Vđã thực hiện lừa đảo, chiếm đoạt của ông Nguyễn Hữu L số tiền 40.000.000 đồng,

bà Đỗ Thị M số tiền 2.082.000.000 đồng, ông Phạm Hữu L số tiền 197.000.000 đồng, ông Nguyễn Hoàng G số tiền 30.000.000 đồng, bà Trần Thị H số tiền 85.000.000 đồng. Tổng cộng là 2.434.000.000 đồng. Ngoài ra Nguyễn Thị Y còn chiếm đoạt của bà Nguyên Thị Bệt số tiền 346.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Đỗ Văn V cho rằng bản thân cũng bị Nguyễn Thị Y lừa, không có mục đích lừa đảo mọi người và không phạm tội song bị cáo thừa nhận có thực hiện các hành vi như đã nêu trên. Bản thân bị cáo và Y cũng chỉ là quen biết ngoài xã hội qua giới thiệu, không biết rõ về mối quan hệ và khả năng của Y nhưng khi Y đặt vấn đề Vđã đồng ý cùng Y đi gặp các bị hại giới thiệu hứa hẹn, bằng uy tín của mình ở địa phương Vđã xác nhận, cam kết các lời giới thiệu của Y, ký đóng dấu của công ty do bị cáo làm giám đốc vào giấy nhận tiền để tạo lòng tin chiếm đoạt tiền và cùng Y sử dụng khoản tiền chiếm đoạt. Việc bị cáo khai bị Y lừa và không có mục đích lừa đảo là không có cơ sở chấp nhận. Tại bản án sơ thẩm đã xác định hành vi của Nguyễn Thị Y và Đỗ Văn V đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm gia đình bị cáo Vđã bồi thường cho các bị hại một số tiền và đã được xem xét áp dụng đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Tại tòa án cấp phúc thẩm tuy bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì khác; không tham gia bảo vệ quan điểm của mình tại phiên tòa. Do vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa và không có căn cứ chấp nhận giảm hình phạt như đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận lẽ ra bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, nhưng bị cáo là Thương binh và là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án; Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo kêu oan của bị cáo Đỗ Văn V; Giữ nguyên các quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 82/2021/HSST ngày 23/03/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đối với bị cáo Đỗ Văn V. Cụ thể:

- Áp dụng: Điểm a khoản 4 điều 174; điểm b khoản 3 điều 341; điểm b, s khoản 1 khoản 2 điều 51; điều 38; điều 54; điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Đỗ Văn V 11 (mười một) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ

2. Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn V không phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *Công an thành phố Hà Nội;*
- *Cục THADS thành phố Hà Nội;*
- *Bị cáo (qua đ/c);*
- *Lưu HS, VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
(Đã ký)
Nguyễn Vũ Đông